

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Quý 3 năm 2008****Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,389,634,571,915	1,528,406,896,406	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10,906,062,584	34,722,398,693	
1. Tiền	111		10,906,062,584	34,722,398,693	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37,500,000,000	20,660,000,000	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	37,500,000,000	20,660,000,000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-	
III. Các khoản phải thu	130		950,928,330,194	1,166,403,926,561	
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	900,268,678,004	1,146,128,907,697	
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	42,497,631,166	15,198,231,446	
3. Phải thu nội bộ	133		-	-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	12,190,390,106	9,799,657,334	
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(4,028,369,082)	(4,722,869,916)	

IV. Hàng tồn kho	140		359,012,391,981	298,899,124,754
1. Hàng tồn kho	141	V.7	359,561,870,221	302,497,823,030
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(549,478,240)	(3,598,698,276)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31,287,787,156	7,721,446,398
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	4,376,861,117	200,497,901
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,120,876,723	5,870,942,313
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	7,608,053,455	17,252,481
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	12,181,995,861	1,632,753,703

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		206,567,946,182	152,521,277,988
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		158,850,032,337	110,939,806,057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	144,161,853,117	94,599,541,925
Nguyên giá	222		309,028,130,799	241,398,466,787
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(164,866,277,682)	(146,798,924,862)

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	3,576,975,635	3,754,306,541
<i>Nguyên giá</i>	228		5,381,970,068	5,381,970,068
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,804,994,433)	(1,627,663,527)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	11,111,203,585	12,585,957,591
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31,052,643,137	28,872,234,389
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	10,719,169,618	8,538,760,870
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	20,333,473,519	20,333,473,519
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		16,665,270,708	12,709,237,542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	15,762,885,766	11,801,188,105
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		481,808,942	487,473,437
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	420,576,000	420,576,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,596,202,518,097	1,680,928,174,394

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		883,006,814,814	982,704,990,016
I. Nợ ngắn hạn	310		850,406,398,371	964,257,530,672
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	736,566,260,861	808,698,032,787
2. Phải trả cho người bán	312	V.20	72,286,569,684	50,736,438,944
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	7,314,930,659	3,232,724,164
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.22	1,550,688,149	18,426,202,081
5. Phải trả người lao động	315	V.23	234,241,654	11,693,570,634
6. Chi phí phải trả	316	V.24	729,860,812	606,649,222
7. Phải trả nội bộ	317		313,160,221	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	31,410,686,331	70,863,912,840
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		32,600,416,443	18,447,459,344
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	32,367,970,443	18,215,013,344
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	232,446,000	232,446,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		707,515,530,823	694,678,862,666
I. Vốn chủ sở hữu	410		678,444,759,647	686,414,371,624
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	157,170,000,000	157,170,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	400,673,465,475	400,673,465,475

3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(3,315,000,000)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	47,382,805,876	6,580,494,700
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	11,609,831,792	1,418,787,291
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	64,923,656,504	120,571,624,158
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		29,070,771,176	8,264,491,042
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.29	22,524,201,036	7,315,844,937
2. Nguồn kinh phí	432	V.30	6,546,570,140	948,646,105
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		5,680,172,461	3,544,321,712
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,596,202,518,097	1,680,928,174,394

- -

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		789,699,438	789,699,438
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại :			
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>			
<i>Euro (EUR)</i>			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2008

LÊ THỊ KIM CHI
 Người lập biểu

DƯƠNG HỒ THẮNG
 Kế toán trưởng

HỒ THỊ KIM THOA
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý 3 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	108,111,097,229	299,578,419,508	330,817,433,601	832,794,304,971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	1,950,150,233	372,335,187	4,075,110,775	1,023,647,444
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	106,160,946,996	299,206,084,321	326,742,322,826	831,770,657,527
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95,667,823,517	199,846,776,924	284,374,909,322	570,971,367,206
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,493,123,479	99,359,307,397	42,367,413,504	260,799,290,321
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,402,551,796	7,638,590,938	31,549,336,486	20,009,242,639
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,922,885,115	9,023,263,791	33,599,011,882	24,949,091,836
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,529,643,686	8,812,239,007	28,321,688,124	23,192,055,076
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	15,490,820,413	12,714,860,439	37,782,688,529	36,963,534,994
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5,911,629,937	6,835,783,668	16,376,854,071	21,205,285,169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13,429,660,190)	78,423,990,437	(13,841,804,492)	197,690,620,961
11. Thu nhập khác	31	VI.7	37,986,263,466	603,261,320	64,028,876,060	672,670,127
12. Chi phí khác	32	VI.8	19,296,010,993	43,547,468	19,356,817,706	52,773,871

13. Lợi nhuận khác	40	18,690,252,473	559,713,852	44,672,058,354	619,896,256
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50	-			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	5,260,592,283	78,983,704,289	30,830,253,862	198,310,517,217
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(944,212,127)	11,052,736,130	3,815,968,522	27,758,489,940
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(55,508,084)	(3,694,410)	(467,808,942)	(3,694,410)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	6,260,312,494	67,934,662,569	27,482,094,282	170,555,721,687
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		500,503,470	(26,636,844)	745,189,411	(16,948,984)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		5,759,809,024	67,961,299,413	26,736,904,871	170,572,670,671

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2008

LÊ THỊ KIM CHI
Người lập biểu

DƯƠNG HỒ THẮNG
Kế toán trưởng

HỒ THỊ KIM THOA
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30,830,253,862	198,310,517,217
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12,V.13	18,854,250,412	17,440,736,291
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8	(3,743,720,870)	5,357,056,974
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(3,247,992,392)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.8	2,721,786,445	(598,502,955)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14,559,190,122	23,192,055,076
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63,221,759,971	240,453,870,211
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		175,055,758,139	(673,775,841,233)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(58,397,030,188)	(82,097,437,805)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18,964,751,537)	29,263,417,714
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(8,118,687,306)	(1,453,427,246)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VII.1	(16,776,636,260)	(13,932,944,469)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(10,462,926,259)	(12,434,712,370)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		13,481,478,934	685,368,540

- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3,858,636,955)	(8,789,639,362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		135,180,328,539	(522,081,346,020)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12,V.13,V.14	(66,789,737,171)	(12,630,267,038)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		-	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	VII.2	(21,260,629,618)	(10,602,014,551)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		609,448,684	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		408,309,133	-
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(87,032,608,972)	(23,232,281,589)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN ĐIỆN QUANG

Địa chỉ: 121-123-125 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27	1,215,000,000	322,938,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3,315,000,000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19,V.25	225,516,244,834	576,343,478,441
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19,V.25	(295,380,300,510)	(297,467,883,815)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	-	-

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>(71,964,055,676)</i></u>	<u><i>601,813,594,626</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(23,816,336,109)	56,499,967,017
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	34,722,398,693	4,396,540,004
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>10,906,062,584</u>	<u>60,896,507,021</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2008

LÊ THỊ KIM CHI
Người lập biểu

DƯƠNG HỒ THẮNG
Kế toán trưởng

HỒ THỊ KIM THOA
Tổng Giám đốc